| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2025
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Kim Thu

2. Bà Mai Thị Lý

***- Thư ký ghi biên bản:*** Bà Nguyễn Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang:*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc **"**Tranh chấp về ly hôn và nuôi con**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, tỉnh A.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, tỉnh A.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn ly hôn, chị Huỳnh Thị N trình bày:*

Chị với anh Nguyễn Văn T lấy nhau là do yêu thương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Bình Sơn, tỉnh An Giang) vào ngày 10/3/2014. Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 10/8/13**.** Trong thời gian chung sống, **v**ợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm dành cho nhau không còn.

Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T để mỗi bên có cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được thông báo hợp lệ cho anh Nguyễn Văn T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng anh T không có mặt tại Toà án và cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị N nên không có lời khai của anh T tại Toà án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử giải quyết vụ án.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Bình Sơn, tỉnh An Giang) vào ngày 10/3/2014 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc.

Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Toà án đã nhiều lần thông báo đến các đương sự để tham gia các phiên hoà giải nhưng anh T không có mặt, chứng tỏ anh T không có thiện chí muốn hoà giải đoàn tụ với chị N. Tại phiên toà sơ thẩm, chị N xác định không còn tình cảm với anh T nên mong muốn được chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 10/8/13. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Trinh

đang sinh sống với mẹ và cháu cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Anh T không có ý kiến gì về việc muốn được nuôi con chung; do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như có xem xét đến nguyện vọng của cháu, HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này vì điều kiện kinh tế thay đổi và để đảm bảo cho cuộc sống của con, chị N có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con để được Toà án có thẩm quyền xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về tài sản chung: Đương sự tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về nợ chung: không có.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị Huỳnh Thị N.

*Về án phí:* Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

***Vì các lẽ trên!***

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Huỳnh Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 10/8/13 đến khi con tới tuổi trưởng thành.

Trong thời gian chị N nuôi dưỡng con chung, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân

sự khu vực 4 – An Giang) theo biên lai thu số 0009901 ngày 07 tháng 02 năm 2025. Chị N không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Cơ quan THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Bình Sơn;
(ĐKKH ngày 10/3/2014)
- Lưu.

**Nguyễn Thị Cúc**